TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THANH KHÊ
TP ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **29/**2018/HNGĐ-ST
Ngày 21.6.2018
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ – TP ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Hậu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận

Bà Lê Thị Nhớ

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Dương Thị Thái - Thư ký Toà án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân quận Thanh Khê mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 124/2018/TLST-HNGĐ ngày 23.3.2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18.5.2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2018/QĐST-HGNĐ ngày 04.6.2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Mai Văn T**, Sinh năm: 1970; Địa chỉ: Tổ Q (nay là tổ Y) phường Z, quận K, Đà Nẵng. *Có mặt*

- *Bị đơn:* Bà **Trần Thị Đài H,** Sinh năm 1970; Địa chỉ cư trú cuối cùng: Tổ Q (nay là tổ Y) phường Z, quận K, TP Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, quá trình xét xử nguyên đơn ông Mai Văn T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị Đài H xây dựng gia đình vào năm 1996, đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ (cũ), quận K, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Xuất phát từ việc cha mẹ hối thúc lập gia đình nên dù chỉ mới quen biết nhưng ông T vẫn nhanh chóng kết hôn với bà H. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông cùng chung sống tại tổ V, phường Đ, nay là tổ Y, phường Z, quận K, thành phố Đà Nẵng. Từ khi sống chung giữa vợ chồng ông đã phát sinh mâu thuẫn, xảy ra cãi vã

thường xuyên và ngày càng trầm trọng hơn. Đầu năm 2001, sau khi gây gỗ với nhau bà H đã bồng con bỏ đi đến nay không có tin tức gì, bản thân ông đã tự tìm kiếm nhiều năm nhưng vẫn không có thông tin. Nay nhận thấy hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Trần Thị Đài H.

- Về con chung: Ông Mai Văn T xác định ông và bà Trần Thị Đài H có 01 con chung là Mai Trúc L, Sinh ngày 14/3/1999. Ly hôn, ông T xác định cháu L đã đi theo bà H từ nhỏ và đến nay đủ tuổi thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Mai Văn T xác định ông và bà Trần Thị Đài H không có tài sản chung, không có nợ chung.

* Ngày 06/3/2018 Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã có Quyết định số 05/2018/QĐDS-ST tuyên bố bà Trần Thị Đài H mất tích nên không có ý kiến của bà H đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử nguyên đơn đã thực hiện đúng nhưng bị đơn đã không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án đã thụ lý vụ án, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác minh, thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ông Mai Văn T ly hôn với bà Trần Thị Đài H.

- Về quan hệ con chung: Ông Mai Văn T xác định ông và bà Trần Thị Đài H có 01 con chung là Mai Trúc L, sinh ngày 14/3/1999. Khi giải quyết ly hôn, ông T xác định cháu L đã đi theo bà H từ nhỏ và đến nay đã thành niên nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Mai Văn T xác định ông và bà Trần Thị Đài H không có tài sản chung, không có nợ chung nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1] Nguyên đơn ông Mai Văn T khởi kiện "Ly hôn" đối với bị đơn bà Trần Thị Đài H có địa chỉ cư trú cuối cùng tại tổ Y, phường Z, quận K, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã niêm yết hợp lệ các văn bản của Tòa án đối với bà Trần Thị Đài H nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về nội dung:**

[1] Quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn với bà Trần Thị Đài H của ông Mai Văn T thì thấy: Ông Mai Văn T và bà Trần Thị Đài H đã tuân thủ đầy đủ các quy định về kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn này đã kéo dài, trầm trọng như trình bày của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với cung cấp của địa phương nơi vợ chồng sinh sống. Từ năm 2001, bà H đã đi khỏi địa phương đến nay không có tin tức gì, ngày 06/3/2018 Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã có Quyết định số 05/2018/QĐDS-ST tuyên bố bà Trần Thị Đài H mất tích. Do vậy HĐXX nghĩ cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn với bà Trần Thị Đài H của ông Mai Văn T.

[2] Quan hệ con chung: Ông Mai Văn T và bà Trần Thị Đài H có 01 con chung là: Mai Trúc L, Sinh ngày 14/3/1999. Ông T xác định cháu L đã đi theo bà H từ nhỏ và xét đến thời điểm hiện tại cháu L đã thành niên nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Quan hệ tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên HĐXX không xem xét vấn đề này.

[4] Về án phí: Ông Mai Văn T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQHK14.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 51, 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHK14 của UBTV Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Mai Văn T ly hôn với bà Trần Thị Đài H.

2. Về án phí: Buộc ông Mai Văn T chịu án phí HNGĐ sơ thẩm là 300.000đ, được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu số 8063 ngày 23.3.2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Ông T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Mai Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Thị Đài H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- UBND phường C;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hậu